

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Ngọc Hà;

Ông Trần Thanh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thân Văn Đông – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Ông K’ Dem- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2022 về việc: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm: 1987; nơi thường trú: đường L, tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nơi tạm trú: đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Y Vương Ngọc S, sinh năm: 1985; nơi thường trú: K’ Đen, tổ dân phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Chị T có mặt, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Anh T thì:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S ham chơi game, không lo cho gia đình vợ con, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau thì anh S thường hay đánh đập chị. Khi chị ra thuê phòng trọ ở riêng thì anh S có vài lần đến phòng trọ đe dọa, đánh đập chị. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị, chị không báo chính quyền địa phương cũng như tổ dân phố nên chính quyền địa phương không biết mâu thuẫn của vợ chồng. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ khi sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh S để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Có một con chung tên Y Vương Tuấn K, sinh ngày 29/11/2007, hiện con đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con còn anh S cho con bao nhiêu là tùy vào tình cảm anh S dành cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27/02/2023 và lời trình bày của anh Y Vương Ngọc S thì:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T như lời chị T trình bày về việc kết hôn là đúng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do dịch bệnh kéo dài nên không có việc làm, không có thu nhập ổn định nên vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, khi nóng giận anh có đánh chị T. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ khi sống ly thân, mỗi người sống một nơi, vợ chồng không liên lạc gì với nhau, anh chỉ liên lạc với con. Anh xác định còn tình cảm vợ chồng với chị T, vợ chồng còn có khả năng hàn gắn, anh còn yêu thương vợ, con nên anh yêu cầu được đoàn tụ. Anh cần thêm thời gian để ổn định công việc sau đó vợ chồng anh cũng như con sẽ ngồi lại nói chuyện, bàn bạc với nhau.

- Về con chung: Có một con chung tên Y Vương Tuấn K, sinh ngày 29/11/2007. Anh yêu cầu được đoàn tụ nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh S; yêu cầu được nuôi con chung là cháu Y Vương Tuấn K, sinh ngày 29/11/2007 cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh S có xảy ra và thực tế đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh S yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có cách thức, biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh S đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T và anh S được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị T và anh S có một con chung là cháu Y Vương Tuấn K, sinh ngày 29/11/2007, hiện con đang ở với chị T. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Hiện cháu K đang ở với chị T, có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường. Tòa án lấy lời khai, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ. Anh S đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, anh S đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh S cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Giữa chị T và anh S không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên không đề cập.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; buộc anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu được ly hôn với anh S, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Anh S vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, có đánh nhau và đã sống ly thân một thời gian. Từ khi sống ly thân thì mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Anh S yêu cầu được đoàn tụ vì còn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh S thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân thì mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau, mà anh chỉ liên lạc với con. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh S đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T. Cho chị T và anh S được ly hôn.

[4] Về con chung: Giữa chị T và anh S có một con chung là cháu Y Vương Tuấn K, sinh ngày 29/11/2007. Ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Xét thấy hiện nay cháu K đang ở với chị T, có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường, cháu K có nguyện vọng được ở với chị T. Anh S cũng đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi thành niên nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu K, cần giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, chị T yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án,

anh S cũng đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng nên buộc anh S cấp dưỡng nuôi cháu K số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh S xác định không có tài sản chung cũng như không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, các Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Anh T và anh Y Vương Ngọc S ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Y Vương Tuấn K, sinh ngày 29/11/2007 cho chị Nguyễn Thị Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu K đủ tuổi thành niên.

Buộc anh Y Vương Ngọc S cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 4/2023 cho đến khi cháu Y Vương Tuấn K, sinh ngày 29/11/2007 đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị Nguyễn Thị Anh T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Y Vương Ngọc S còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002208 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Buộc anh Y Vương Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh S vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- UBND xã Gung Ré, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đoàn Văn Chiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hải – Bùi Ngọc Hà

Đoàn Văn Chiến